



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG  
AN GIANG FISHERIES IMPORT AND EXPORT JOINT STOCK COMPANY

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



## TRỤ SỞ CHÍNH

1234 Trần Hưng Đạo - P. Bình Đức - TP. Long Xuyên - An Giang  
ĐT: (076) 3852368 - Fax: (076) 3852202  
info@agifish.com.vn

## CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

94 - 96 Nguyễn Du - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (08) 3825 1100 - Fax: (08) 3822 5022  
info@agifish.com.vn



A N U A L R E P O R T 2 0 1 6





# MỤC LỤC

---

- Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Thông tin chung.
- Tình hình hoạt động trong năm.
- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc.
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.
- Quản trị Công ty.
- Báo cáo tài chính.



# THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư!*

Năm 2016 được xem là năm bất lợi cho ngành cá Tra Việt Nam, giá cá tra nguyên liệu luôn biến động mạnh, biên độ giao động lớn làm cho người nuôi thua lỗ, có lúc giá cá giảm đến hơn 10% so với đầu năm làm cho một số người nuôi không tiếp tục thả nuôi dẫn đến tình trạng thiếu hụt cá nguyên liệu khi giá bắt đầu tăng trở lại vào đầu quý 4/2016.

Thị trường xuất khẩu cũng gặp rất nhiều khó khăn, sản phẩm cá tra Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các quốc gia nhập khẩu đó là các rào cản phi thuế quan như chương trình giám sát dư lượng kháng sinh, chất cấm tại châu Âu cùng các thị trường khác; đặc biệt là thuế chống bán phá giá tại Mỹ khá cao rất khó để các doanh nghiệp Việt Nam có thể đưa hàng vào Mỹ, nên phải tìm kiếm các thị trường khác để thay thế, nổi lên là thị trường Trung Quốc, đây là thị trường tiềm năng có thể thay thế thị trường Mỹ, là cứu cánh cho các doanh nghiệp bị áp mức thuế chống bán phá giá cao vào Mỹ, tuy nhiên giá bán khá thấp làm cho hiệu quả không như mong đợi.

Trong năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt được kết quả tốt như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 đề ra do giá bán có xu hướng giảm, cơ cấu thị trường xuất khẩu thay đổi lớn, không thể xuất hàng vào thị trường Mỹ phải chuyển hướng sang thị trường khác; lượng cá nguyên liệu thiếu hụt, công ty tập trung đầu tư vào các vùng nuôi để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất, nhưng thời tiết bất lợi ảnh hưởng đến hiệu quả của các vùng nuôi.

Bước sang năm 2017, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh tiếp tục gặp khó khăn do lượng cá nguyên liệu không đủ đáp ứng cho các nhà máy chế biến dẫn đến giá cá nguyên liệu sẽ tăng trong khi giá bán xuất khẩu khó có thể tăng; Các ngân hàng siết chặt tín dụng với các doanh nghiệp thủy sản do có một số doanh nghiệp đã phá sản để lại các khoản nợ lớn cho các ngân hàng; Thị trường xuất khẩu tiếp tục gặp khó nhất là thị trường Mỹ, sau khi đắc cử tân Tổng thống Mỹ tuyên bố bãi bỏ hiệp định thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP), nên khó có thể dự báo trước các chính sách tiếp theo tại thị trường Mỹ. Đứng trước tình hình hiện nay, chúng ta cần phải có những thay đổi trong chiến lược sản xuất kinh doanh, bên cạnh việc tăng cường công tác tiếp thị, quảng cáo sản phẩm, phát triển thị trường; đầu tư cho các vùng nuôi nguyên liệu của Công ty đạt theo các tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu khắc khe của thị trường; kiểm soát được chặt chẽ từ khâu con giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc và các hóa chất sử dụng trong quá trình nuôi, kiểm soát tốt các chi phí để hạ giá thành. Tổ chức tốt các khâu sản xuất, chế biến, giảm bớt các chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu;

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin nhận sự đoàn kết vượt qua khó khăn của đội ngũ cán bộ công nhân viên lao động của công ty trong năm qua, cảm ơn các nhà đầu tư đã tin tưởng đầu tư vào Công ty Agifish. Tập thể lãnh đạo, nhân viên Agifish sẽ đồng tâm vượt qua năm 2017 đầy khó khăn, cố gắng đạt những kết quả như Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra, xây dựng Công ty Agifish ngày càng phát triển.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGÔ PHƯỚC HẬU







# THÔNG TIN CHUNG



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Tên giao dịch** : Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (Angiang Fisheries Import Export Joint Stock Company)

**Tên viết tắt** : AGIFISH Co.

**Đăng ký** : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 1600583588 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 20, ngày 09 tháng 07 năm 2015 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh An Giang cấp

**Vốn điều lệ** : **281.097.430.000 đồng** (Hai trăm tám mươi một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

**Địa chỉ** : 1234 Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**Điện thoại** : (84.763) 852 939 – 852 368

**Fax** : (84.763) 852 202

**E.mail** : agifish.co@agifish.com.vn

**Website** : www.agifish.com.vn

**Mã cổ phiếu** : AGF



## QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty trước đây là nhà máy đông lạnh của Công ty thủy sản An Giang được khởi công xây dựng năm 1985 và đi vào hoạt động vào tháng 03 năm 1987.

Tháng 11 năm 1995 Công ty xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGIFISH) được thành lập theo quyết định số 964/QĐUB của UBND Tỉnh An Giang ký ngày 20/11/1995.

Năm 2000, Công ty Agifish được Nhà nước tặng danh hiệu “Anh Hùng Lao Động” và đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành thủy sản.

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGIFISH Co.) được thành lập theo quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001.

Ngày 01/09/2001, Công ty Agifish chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được cấp phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 8/3/2002 với mã chứng khoán là AGF.

Công ty Agifish là thành viên của Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), Hiệp hội cá tra Việt Nam (VPA), Hiệp hội nghề nuôi và chế biến thủy sản An Giang (AFA).

Agifish áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất: HACCP, CoC, Global Standard For Food Safety (BRC), ISO 17025: 2005. Các tiêu chuẩn ASC, BAP cho vùng nuôi cá tra nguyên liệu và nhà máy chế biến của Công ty đã được cấp giấy chứng nhận bởi các tổ chức quốc tế.

Agifish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 4 code: DL07, DL08, DL09, DL360; được cấp chứng chỉ HALAL để xuất khẩu sang cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.

Trên thị trường trong nước sản phẩm chế biến từ cá tra, basa Agifish là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” liên tục từ năm 2003 đến 2016 do người tiêu dùng bình chọn.

Agifish quan tâm xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo, quản lý và công nhân lao động phấn đấu vì sự phát triển của Công ty.

## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết : Sản xuất, chế biến và mua bán thủy, hải sản đông lạnh, thực phẩm. Chi tiết : Sản xuất, chế biến và mua bán dầu biodiesel từ mỡ cá	1020 ( chính )
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Mua bán thuốc thú y, thủy sản Chi tiết : Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	4669
3	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết : Nuôi thủy sản	0322
4	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá Chi tiết : Dịch vụ kho vận, cho thuê kho lạnh, kiểm tra hàng, cân hàng hoá thủy sản	5210
5	Bán buôn thực phẩm	4632

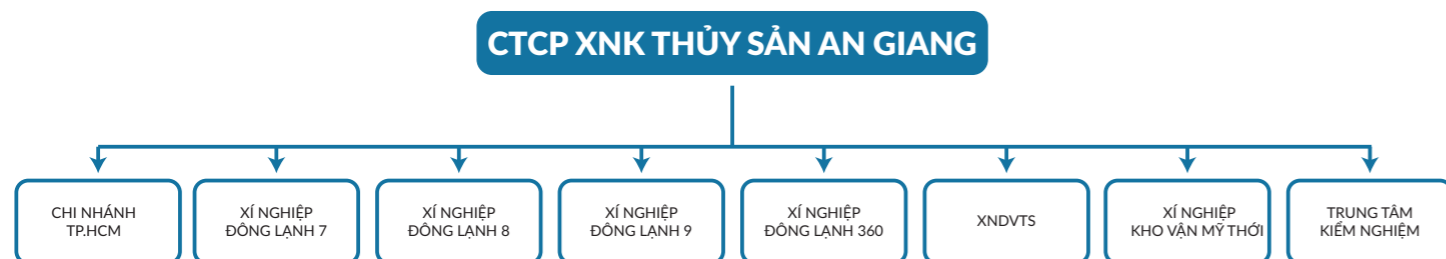
Agifish cung cấp cho thị trường trên phạm vi cả nước qua mạng lưới đại lý của Agifish và các hệ thống phân phối của Saigon Coopmart, BigC, Mega market ... sản phẩm cá tra, cá basa Việt Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm, với giá cả hợp lý, góp phần tạo dựng uy tín của sản phẩm thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới như Mỹ, Châu Âu, Úc, Châu Á, Trung Đông, Nam Mỹ, Đông Âu và Nga.



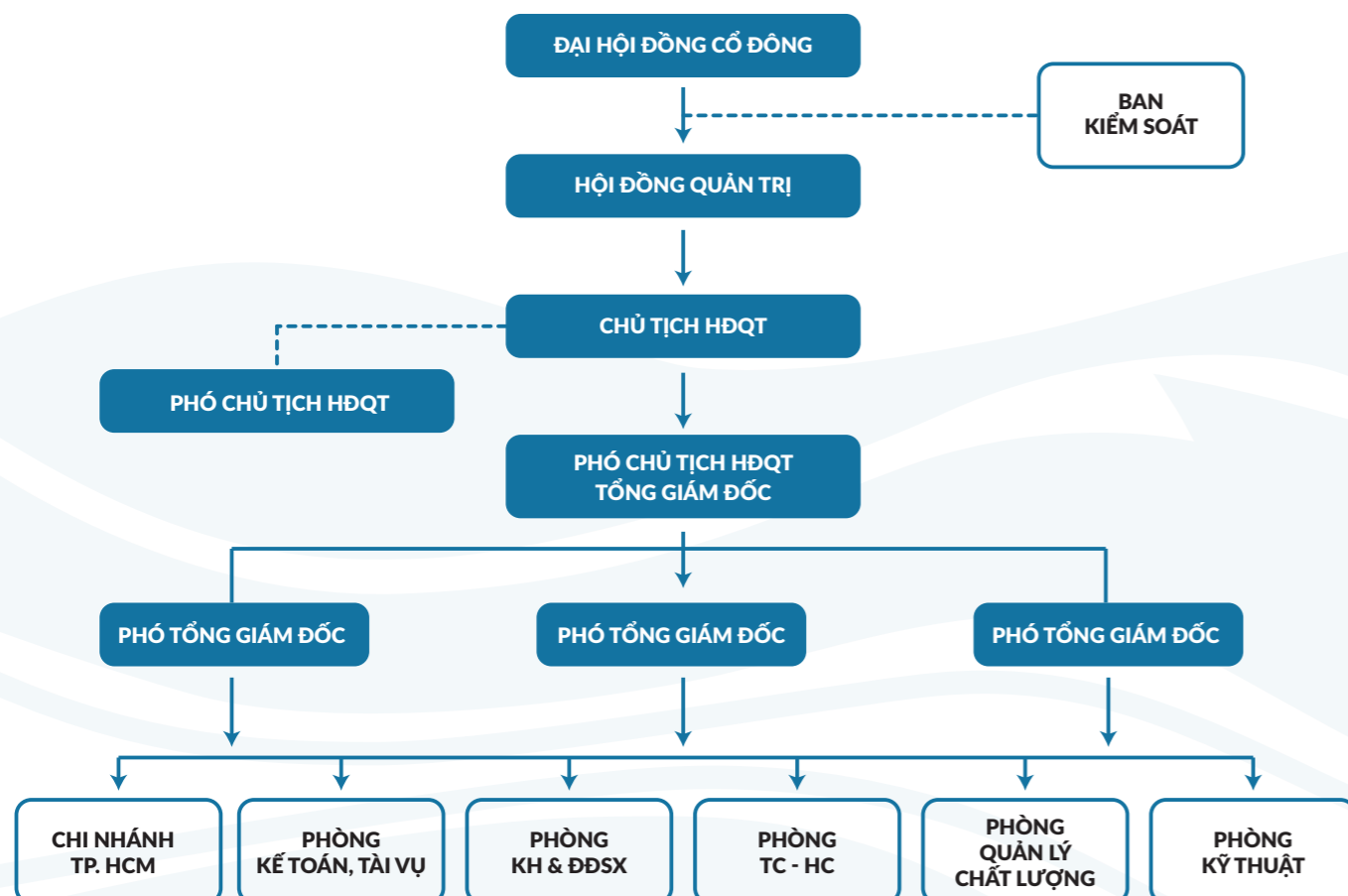


# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



### • TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.  
Điện thoại: (84.76) 3852 368 – 3852 939  
Fax: (84.76) 3852 202

### • CHI NHÁNH CÔNG TY TẠI TP. HCM

Địa chỉ: Lầu 7, Tòa nhà RESCO, số 94 - 96 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM  
Điện thoại: (84.8) 3825 1100 – (84.8) 3829 9767  
Fax: (84.8) 3822 5022

### • XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH AGF 7

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.  
Điện thoại: (84.76) 3854 241

### • XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH AGF 8

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.  
Điện thoại: (84.76) 3836 22  
Fax: (84.76) 3836 254

### • XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH AGF 9

Địa chỉ: 2222 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.  
Điện thoại: (84.76) 3958999  
Fax: (84.76) 3958888

### • XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM AGF360

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.  
Điện thoại: (84.76) 3857 590

### • XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ THỦY SẢN

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên, An Giang.  
Điện thoại: (84.76) 395408

### • XÍ NGHIỆP KHO VẬN MỸ THỜI

Địa chỉ: số 206, Quốc lộ 91, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, An Giang.  
Điện thoại: (84.76) 3930378

### CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

#### CÔNG TY MẸ: CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44 KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang  
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần AGF: 79,58%

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Vùng nuôi đã đi vào hoạt động ổn định, đáp ứng được 80% - 90% nhu cầu sản lượng chế biến cùng cơ sở chế biến thủy sản hiện đại đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường. Nghiên cứu nâng cao giá trị sản phẩm cá tra, basa bằng các sản phẩm chế biến giá trị gia tăng có bao bì đẹp và tiện dụng.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng thương hiệu Agifish gắn với hệ thống tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc, tăng cường năng lực quản lý từ khâu nguyên liệu đến chế biến xuất khẩu.

### CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- Sản xuất kinh doanh gắn liền với bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm.

- Agifish quan tâm xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo, quản lý và công nhân lao động phấn đấu vì sự phát triển của Công ty. Góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cùng cộng đồng cư dân địa phương.

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam và khu vực ASEAN trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến thủy sản bằng chiến lược phát triển bền vững và có trách nhiệm, trong đó tập trung vào các sản phẩm cá basa, cá tra trên cơ sở xây dựng và phát triển chuỗi lợi thế cạnh tranh cốt lõi: quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, cung ứng sản phẩm vào các hệ thống phân phối lớn phục vụ người tiêu dùng.

- Xây dựng thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng, hệ thống quản trị và văn hoá doanh nghiệp đặc thù, tiên phong đầu tư đổi mới công nghệ để mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

- Liên kết cùng với các đơn vị thành viên khác trong tập đoàn Hùng Vương để tạo lợi thế cạnh tranh về chất lượng sản phẩm và thị trường tiêu thụ.

## CÁC RỦI RO

### THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

- Công ty chủ yếu xuất khẩu vào các thị trường như Châu Âu, Úc, Châu Á, Trung Đông, Đông Âu và Nga. Đây là những thị trường có tốc độ tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, quy định về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của những thị trường này khá khắt khe. Công ty phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn nhất định và những tiêu chuẩn này thường xuyên thay đổi theo hướng ngày càng nghiêm ngặt hơn. Bên cạnh đó, chính sách bảo hộ người nuôi trồng thủy sản tại các nước nhập khẩu dẫn tới các vụ kiện chống bán phá giá cũng là một trong những yếu tố làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, qua đó, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

### CẠNH TRANH VỚI CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC

- Trong khu vực, ngoài Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Bangladesh, Ấn Độ, Lào nuôi cá da trơn, hiện nay các quốc gia khác cũng đang có chính sách khuyến khích người dân nuôi và phát triển nuôi loài cá này. Ngoài ra họ cũng đã chú ý đến việc đầu tư nuôi cá tra sạch. Công ty CP Thái Lan đang đầu tư để quản lý một bộ phận quan trọng của ngành cá tra Việt Nam.





# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, các thị trường truyền thống như Mỹ, EU, Đông Âu ... đang sa sút, Công ty đã nỗ lực tìm kiếm thị trường thay thế. Ngay từ những tháng đầu năm đến nay, mỗi tháng công ty xuất sang Trung Quốc khoảng 40 – 50 container. Đây là thị trường mới được khai thác từ năm 2015 nên sản lượng xuất sang thị trường này là chưa nhiều, giá thấp hơn các thị trường khác nhưng Trung Quốc trở thành nơi gỡ khó cho AGIFISH và các doanh nghiệp thủy sản khác bị mất thị trường Mỹ do thuế chống bán phá giá theo kết quả phán quyết của POR11.

Đối với thị trường trong nước, Agifish tiếp tục giữ vững danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” của các sản phẩm giá trị gia tăng chế biến từ cá tra, basa Agifish, Xí nghiệp đông lạnh AGF360 đẩy mạnh sản xuất hàng giá trị gia tăng, tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng trong cơ cấu hàng xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng. Trong niên độ tài chính 2015- 2016 sản lượng hàng giá trị gia tăng tăng 46% đạt 3.939 tấn, trong đó:



XUẤT KHẨU

**1.781** tấn



KIM NGẠCH

**3.81** triệu USD



TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

**2.158** tấn



DOANH THU

**120** tỷ đồng

Hơn 70% sản phẩm mang thương hiệu Agifish được tiêu thụ mạnh tại các hệ thống siêu thị Saigon Coop Mart, Mega market, Big C, Lotte, Vinatex... còn lại phân phối thông qua các đại lý trên cả nước.

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Các chỉ tiêu kế hoạch như: kim ngạch xuất khẩu, doanh thu, lợi nhuận đều không đạt như kế hoạch đã đề ra. Một số nguyên nhân chính là:

- Công ty bị áp mức thuế chống phá giá sang Hoa Kỳ khá cao. Thuế suất áp dụng cho sản phẩm cá tra phi lê đông lạnh của công ty Agifish ở mức 0,66 USD/kg. Vì vậy, trong năm 2016 công ty không xuất hàng qua thị trường Hoa Kỳ phải tìm kiếm thị trường thay thế.
- Kinh tế thế giới vẫn chưa thoát khỏi khủng hoảng đã ảnh hưởng lớn tới sức mua và giá trị xuất khẩu sản phẩm của Công ty. Ngoài ra, phải kể đến thời tiết năm 2016 biến đổi bất thường so với các năm trước, cá nuôi tăng trưởng chậm, tiêu tốn thức ăn nhiều hơn, tỷ lệ hao hụt cao dẫn đến giá thành cá nuôi tăng, hiệu quả thấp.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015 (9 tháng)	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	So sánh (%)	
				2016/2015	TH/KH
Tổng doanh thu (tỷ)	1.719	2.800	3.291	191	118
LN trước thuế (tỷ)	0,16	50	2,585	1615	5
Sản lượng xuất khẩu (tấn)	16.672	30.000	30.645	146	102
Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	44,7	72	59,27	133	82,31
Tổng số lao động (ngàn người)	3.052	3.000	2.467	87	88
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	4.700.000	4.800.000	5.410.000	115	113





# TỔ CHỨC & NHÂN SỰ



## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



### NGUYỄN VĂN KỶ - TỔNG GIÁM ĐỐC

**Giới tính** : Nam  
**Ngày tháng năm sinh** : 24/02/1958  
**Nơi sinh** : TP Hồ Chí Minh  
**CMND** : 022868620  
**Quốc tịch** : Việt nam  
**Dân tộc** : Kinh  
**Địa chỉ thường trú** : 233/34 Xô viết Nghệ Tĩnh, P15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM  
**Số ĐT liên lạc** : 0903939763  
**Trình độ chuyên môn** : Đại học nuôi trồng & chế biến thủy sản

- **Quá trình công tác:** Từ 1982 đến 1992: Phó Phòng kế hoạch, Quản đốc phân xưởng thuộc Xí nghiệp Cầu Tre  
 Từ 1993 đến 2002: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Sài Gòn  
 Từ 2003 đến 2009: Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Tiền Giang  
 Từ Tháng 1/2010 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Agifish
- **Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị  
 - Tổng Giám đốc
- **Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hùng Vương
- **Số CP nắm giữ ( tại thời điểm hiện nay )** : Không
- **Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** : Không
- **Những khoản nợ đối với Công ty** : Không
- **Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không
- **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không



### VÕ THÀNH THÔNG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG

**Giới tính** : Nam  
**Ngày tháng năm sinh** : 05/12/1967  
**Nơi sinh** : Tây Ninh  
**CMND** : 351768544, ngày cấp 18/11/2010, nơi cấp: An Giang  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Dân tộc** : Kinh  
**Địa chỉ thường trú** : 1234/60 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Đức 1, phường Bình Đức, Tp. Long Xuyên, An Giang  
**Số ĐT liên lạc** : 0913128909  
**Trình độ chuyên môn** : Tốt nghiệp Đại học TC-KT TP.HCM năm 1989

- **Quá trình công tác:** Tháng 02/1990 - 07/1991: làm tại phòng Tài chính huyện Châu Thành, tỉnh An Giang  
 Từ tháng 08/1991 đến nay: làm việc tại Cty Agifish
- **Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : - Thành viên Hội đồng quản trị  
 - Phó Tổng Giám đốc
- **Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** :
- **Số CP nắm giữ ( tại thời điểm hiện nay )** : 34.522 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ
- **Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** : Không
- **Những khoản nợ đối với Công ty** : Không
- **Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không
- **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không



### VÕ VĂN PHONG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

**Giới tính** : Nam  
**Ngày tháng năm sinh** : 01/04/1975  
**Nơi sinh** : Xã Thới Thạnh, Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre  
**CMND** : 362369683, ngày cấp 23/12/2008, nơi cấp: Cần Thơ  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Dân tộc** : Kinh  
**Địa chỉ thường trú** : 127/24 Mậu Thân, Phường An Hoà, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ  
**Số ĐT liên lạc** : 0903873877  
**Trình độ chuyên môn** : Kỹ sư công nghệ thực phẩm, Đại học Cần Thơ

- **Quá trình công tác:** Từ 2000 - 2002: làm việc tại vùng thử nghiệm Cty Proconco Cần Thơ  
 Từ 2002 - 2007: làm việc tại vùng nuôi thủy sản Cty Aquaservice  
 Từ 2008 - 2013 : Phụ trách kinh doanh Công ty cổ phần Hùng Vương - Tây Nam  
 Từ 2013 đến nay : Phó Tổng giám đốc phụ trách nuôi trồng, Công ty cổ phần XNK Thủy sản An Giang
- **Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Phó Tổng Giám đốc
- **Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : - Phó giám đốc phụ trách nuôi trồng Công ty cổ phần Hùng Vương  
 - Phụ trách kinh doanh Công ty cổ phần Hùng Vương - Tây Nam
- **Số CP nắm giữ ( tại thời điểm hiện nay )** : 5.500 cổ phần, chiếm 0,019% vốn điều lệ
- **Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** :
- **Những khoản nợ đối với Công ty** : Không
- **Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không
- **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không

## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

(thời điểm 30/09/2016)

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG CUỐI KỲ  
**2.647 người** (1.278 nữ)

TĂNG TRONG KÌ  
**638 người**  
 GIẢM TRONG KÌ  
**935 người**

LAO ĐỘNG CÓ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

2 TRÊN ĐẠI HỌC	150 ĐẠI HỌC	27 CAO ĐẲNG	123 TRUNG CẤP
----------------	-------------	-------------	---------------

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN:

- Nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất vùng nuôi thủy sản tại xã An Nhơn, huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp.  
 - Tổng diện tích: 294.080 m<sup>2</sup>  
 - Diện tích mặt nước: 221.955 m<sup>2</sup> (gồm 26 ao nuôi)  
 - Sản lượng: 14.000 tấn/năm  
 Tổng giá trị đầu tư: 15 tỷ đồng
- Nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất vùng nuôi thủy sản tại xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.  
 - Tổng diện tích: 137.120 m<sup>2</sup>  
 - Diện tích mặt nước: 90.800 m<sup>2</sup> (gồm 10 ao nuôi)  
 - Sản lượng: 6.000 tấn/năm  
 Tổng giá trị đầu tư: 26 tỷ đồng

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: không

## CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập của người lao động. Thu nhập bình quân toàn công ty đạt 5.410.000 đ/người /tháng.
- Công ty thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty. Khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại hiệu quả.
- Công ty luôn tạo điều kiện tốt hơn cho người lao động, bảo đảm việc làm thường xuyên và thu nhập cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về lương, thưởng, phúc lợi, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau, thai sản theo quy định của Nhà nước. Tổng mức đóng BHXH hằng năm là trên 32 tỷ đồng
- Triển khai các chế độ chính sách hỗ trợ như nâng lương, tăng tiền ăn giữa ca, nhà ở, hỗ trợ tiền xăng cho công nhân giúp ổn định tâm lý của người lao động
- Không ngừng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh; cải tiến quy trình sản xuất nhằm giảm định mức chế biến, nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn. Cấp 10 căn nhà mái ấm công đoàn cho người lao động với số tiền 300.000.000 đồng.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.529.832.135.552	2.454.311.440.067	-3%
Doanh thu thuần	1.719.128.179.086	3.291.370.168.598	91%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-5.359.061.743	5.178.788.820	96,6%
Lợi nhuận khác	8.983.183.333	-813.598.336	-900%
Lợi nhuận trước thuế	-2.422.730.755	4.365.190.484	180%
Lợi nhuận sau thuế	-445.505.604	2.585.464.097	680%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-112%	82%	73%

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,08	1,28	
- Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ- Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,37	0,69	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,66	0,64	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,95	1,75	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1,55	3,56	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,68	1,36	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,0003	0,007	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	-0,0005	0,026	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,0002	0,009	
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	-0,0031	0,013	

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN :

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 28.109.743 cp
- Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cp

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Các dữ liệu thống kê về cổ đông (xác định đến ngày 17/01/2017)

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
<b>1. Cổ đông đặc biệt</b>		
- HĐQT	51.022	0,18
- BGD	40.022	0,14
- BKS		
<b>2. Cổ đông trong nước</b>	<b>27.871.878</b>	99,15
- Tổ chức	24.714.575	87,92
Trong đó cổ đông nhà nước	2.316.892	8,24
- Cá nhân	3.157.303	11,23
<b>3. Cổ đông nước ngoài</b>	<b>237.865</b>	0,85
- Tổ chức	62.834	0,22
- Cá nhân	175.031	0,63
<b>4. Cổ phiếu quỹ</b>		0
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.109.743</b>	100

Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn:

TT	Tên Họ	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ %
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	2.316.892	8,24
2	Công ty CP Hùng Vương (HVG) Người đại diện: Dương Ngọc Minh	Lô 44, Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.	22.370.625	79,58

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ :** không có  
**CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC :** không có



# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

TỔNG SẢN LƯỢNG CÁ NGUYÊN LIỆU

**66.413** tấn  
(mua ngoài 24.070 tấn)

VẬT TƯ BAO BÌ, PE

**2.469** tấn

TỶ LỆ PHẦN TRĂM

**0%** NGUYÊN VẬT LIỆU ĐƯỢC TÁI CHẾ

## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

### NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP :

Công ty sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia, có trang bị máy phát điện chạy bằng dầu diesel dự phòng khi cúp điện.

### NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM ĐƯỢC THÔNG QUA CÁC SÁNG KIẾN SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ

- Thay thế hệ thống chiếu sáng từ đèn huỳnh quang chấn lưu sang công nghệ đèn led.
- Lắp thêm biến tần ( inverter ), khởi động mềm MCD3000 cho các thiết bị có motor công suất lớn nhằm tiết kiệm điện khi khởi động thiết bị.

### CÁC SÁNG KIẾN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG :

- Các xí nghiệp đông lạnh trong toàn công ty sử dụng năng lượng tái tạo: tận dụng nhiệt của đường nén hệ thống lạnh để làm nóng nước phục vụ cho việc vệ sinh các công cụ sản xuất thay cho trước đây sử dụng máy nước nóng tiêu thụ bằng năng lượng điện hoặc dầu diesel.
- Thường xuyên giáo dục ý thức tiết kiệm điện cho cán bộ, công nhân lao động, lắp đặt các bảng nội quy về sử dụng điện tiết kiệm trong văn phòng và nhà xưởng coi như là biện pháp nhắc nhở thường xuyên hiệu quả.

## TIÊU THỤ NƯỚC

### NGUỒN CUNG CẤP NƯỚC VÀ LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG :

- Nguồn nước cung cấp cho các Xí nghiệp đông lạnh 7, Xí nghiệp đông lạnh 9 và Xí nghiệp chế biến thực phẩm 360 là nguồn nước giếng ngầm, khoan sâu 250m, qua hệ thống xử lý nước cấp của các xí nghiệp 120m<sup>3</sup>/ giờ. Tổng lượng nước ngầm sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm là 433.025 m<sup>3</sup>.
- Nguồn nước cung cấp cho các Xí nghiệp đông lạnh 8 là nguồn nước mặt bơm trực tiếp từ sông Hậu qua hệ thống xử lý nước cấp của xí nghiệp công suất 60m<sup>3</sup>/ giờ. Tổng lượng nước mặt từ sông Hậu sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của xí nghiệp đông lạnh 8 là 144.674 m<sup>3</sup>.
- Tổng mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh của toàn Công ty trong niên độ 2015 - 2016 là 577.699 m<sup>3</sup>.

TỶ LỆ PHẦN TRĂM VÀ TỔNG LƯỢNG NƯỚC TÁI CHẾ VÀ TÁI SỬ DỤNG : không có

## TUÂN THỦ LUẬT PHÁP VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

### SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Số lượng lao động trong năm là 2.647 người, mức lương bình đạt 5.410.000 đồng/người/tháng

### CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHOẺ, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho hơn 3.900 lượt người lao động với tổng số tiền hơn 500 triệu đồng.

### HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG :

Công nhân ngành thủy sản thường vào làm việc và nghỉ việc, số lượng biến động trong kỳ báo cáo tăng giảm rất lớn trong quá trình sản xuất, nên công ty phải thường xuyên tổ chức huấn luyện, đào tạo dạy nghề cho công nhân mới vào làm việc trực tiếp trên dây chuyền sản xuất tại các xí nghiệp chế biến đông lạnh của Công ty.

## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty chủ trương bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm. Góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cùng cộng đồng cư dân địa phương

Các cơ sở sản xuất của Công ty bao gồm trại nuôi, nhà máy chế biến.... đặt cơ sở ở các địa phương luôn thực hiện đúng các quy định, chính sách pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể, xã hội tại địa phương. Cố gắng hạn chế xả thải nguồn nước, chất thải độc hại chưa xử lý ra môi trường ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng dân cư.



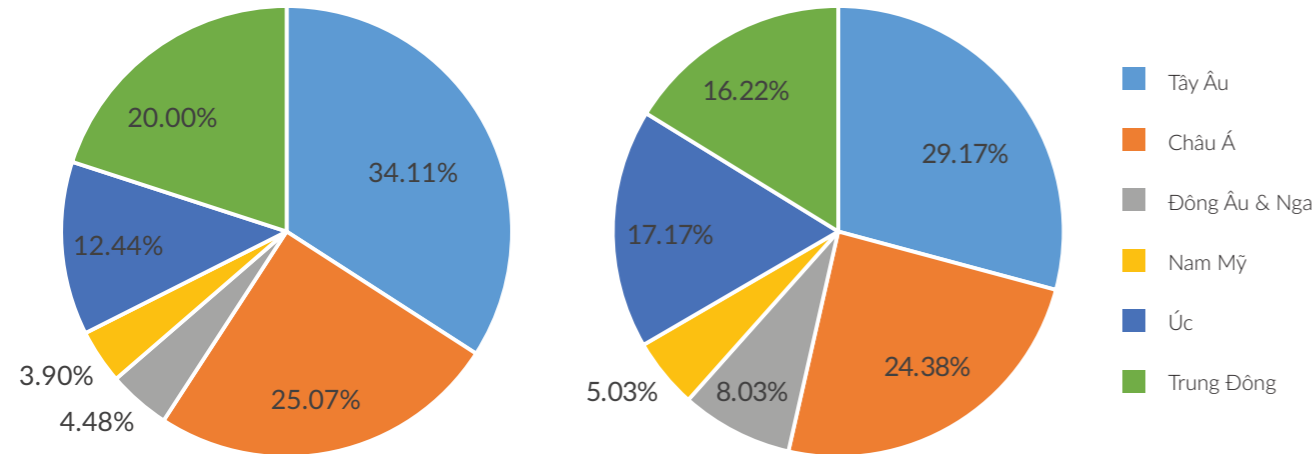
# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

• Tổng doanh thu trong niên độ 2015 - 2016 đạt 3.291 tỷ đồng, sản lượng xuất khẩu ( NET ) 24.567 tấn, kim ngạch xuất khẩu 59,27 triệu USD. Cơ cấu hàng xuất khẩu có sự thay đổi do không xuất được hàng sang Hoa Kỳ. Tây Âu trở thành là thị trường lớn nhất trong cơ cấu xuất khẩu của Công ty (chiếm tới 29,17%). Kế đến là Châu Á 24,38%, Australia 17,17%, Trung Đông 16,22%, Đông Âu + Nga 8,03%, Nam Mỹ 5,03%.

• Doanh thu vượt kế hoạch 18%, nhưng lợi nhuận chỉ đạt 5% kế hoạch do có thay đổi trong cơ cấu thị trường xuất khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc để thay thế cho những thị bị thu hẹp như Tây Âu và Trung Đông nhưng giá bán thấp dẫn đến hiệu quả chưa tốt.



Cơ cấu thị trường xuất khẩu 2015

Cơ cấu thị trường xuất khẩu 2016

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN:

• Hiệu quả sử dụng tài sản năm 2016 so với cùng kỳ có tốt hơn, vùng nuôi đã đi vào hoạt động ổn định, việc cải tiến kỹ thuật nuôi giúp Công ty tiết giảm chi phí. Tổng Tài sản công ty tại ngày 30/9/2016 so với 30/9/2015 tăng hơn 118 tỷ đồng (6,2%), mức tăng này được đánh giá không nhiều và không ảnh hưởng đến tình hình cân đối tài chính của Công ty.

• Hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất khẩu tuy chưa đạt kế hoạch, song vẫn được đánh giá tốt hơn năm 2015, cụ thể các hợp đồng xuất khẩu đã ký kết có giá cao hơn so với cùng kỳ dẫn đến việc hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho ảnh hưởng tốt đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

### TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ :

• Nợ phải trả tại ngày 30/09/2016 giảm so với 30/9/2015 chủ yếu là thay đổi ở khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn. Vùng nuôi đi vào hoạt động ổn định và việc cải tiến kỹ thuật nuôi đã nêu ở mục 2.a kéo theo nhu cầu vốn lưu động tài trợ cho hoạt động nuôi trồng giảm, kéo theo các khoản vay năm 2016 giảm so với cùng kỳ.

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

• Đưa vào sử dụng công trình nâng cấp khu tiếp nhận cá nguyên liệu trên bến sông Hậu của nhà máy đông lạnh 7 và nhà máy đông lạnh 8 được Ban kỹ thuật Công ty thiết kế, thi công góp phần nâng cao năng lực tiếp nhận, tiết kiệm được chi phí và lực lượng lao động. Hiệu quả làm lợi cho Công ty hàng trăm triệu đồng.

• Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, tinh gọn bộ máy quản lý giảm 18% so với năm 2015.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2016-2017

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2015 - 2016	THỰC HIỆN 2015 - 2016	KẾ HOẠCH 2016 - 2017
<b>I</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG</b>				
1	Sản lượng xuất khẩu (NET)	tấn	30.000	30.645	33.000
2	Sản lượng tiêu thụ nội địa - Hàng chế biến GTGT + Sản lượng + Doanh thu	tấn tỷ đồng	2.200 120	2.158 114	2.200 120
<b>II</b>	<b>CHỈ TIÊU KIM NGẠCH XNK</b>				
1	Kim ngạch xuất khẩu	USD	72.000.000	59.270.000	68.000.000
2	Kim ngạch nhập khẩu	USD	2.000.000	150.000	2.000.000
<b>III</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>				
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	2.800	3.291	2.500
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	2.750	3.286.7	2.450
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	50	4,3	50
<b>IV</b>	<b>KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG</b>				
1	Tổng lao động	Người	2.500	2.647	2.600
2	Thu nhập bình quân người/tháng	d/n/t	4.800.000	5.410.000	5.500.000

**GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN:** không có

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

• Trong xu thế phát triển của thị trường hiện nay, ngoài yêu cầu về chất lượng người tiêu dùng và các nước nhập khẩu thủy sản quan tâm nhiều hơn đến các sản phẩm bền vững và có trách nhiệm, khách hàng còn đòi hỏi sản phẩm phải được sản xuất trong điều kiện an toàn với môi trường, xã hội và người lao động. Do vậy, Ban lãnh đạo công ty nỗ lực thực thi trách nhiệm xã hội một cách nghiêm túc trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh; Xây dựng chương trình, kế hoạch từng bước áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và Công ty Agifish đã được cấp chứng nhận nuôi thủy sản bền vững (ASC) cho vùng nuôi cá An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, An Giang từ năm 2013, vùng nuôi Mương Điều huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp năm 2016; và tiêu chuẩn thực hành nuôi thủy sản tốt (BAP) từ 2015 cho vùng nuôi Mương Điều, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp. Agifish là đơn vị đã được cấp chứng nhận tiêu chuẩn 4 sao BAP (nhà máy chế biến - nuôi - giống - thức ăn). Tiêu chuẩn BAP là tiêu chuẩn dành cho chuỗi cung ứng thủy sản toàn cầu, là kết tinh của quá trình cải tiến liên tục và được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học nhằm bảo đảm việc cung cấp thực phẩm an toàn nhờ quá trình sản xuất có trách nhiệm đối với môi trường và xã hội.





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

• Trong năm, công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thực hiện tương đối tốt, các giải pháp nhằm giảm giá thành sản xuất từ khâu nguyên liệu cho đến chế biến và xuất khẩu để ổn định doanh thu, lợi nhuận và thu nhập người lao động. Cơ cấu thị trường của Công ty cho thấy sự cân đối, hài hoà, tuy mất đi thị trường Mỹ nhưng đã có thị trường Trung Quốc thay thế đảm bảo ổn định sản xuất và từng bước tang trưởng. Công ty đang hướng tới việc nâng cao chất lượng và giá trị của sản phẩm.

• Công ty kiên trì thực hiện các giải pháp đã đề ra: tăng năng suất, ổn định chất lượng giảm giá thành sản phẩm, mở rộng thị trường, giảm chi phí, chính sách tinh giảm nhân sự, quan tâm đúng mức đối với người lao động như nâng lương cùng các chế độ đãi ngộ đã giữ chân được lực lượng lao động giỏi mang lại sự ổn định trong sản xuất và chất lượng.

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

• Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, sau Đại hội Tổng giám đốc tiếp tục tập trung mọi nguồn lực cho sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh lại công tác quản lý, mở rộng vùng nguyên liệu theo kế hoạch đã đề ra nhằm chủ động nguồn cá nguyên liệu cho sản xuất. Tháo gỡ khó khăn của thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng tại thị trường các nước Bắc Âu, Trung Đông, Trung Quốc...

• Tổng giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc đã báo cáo đầy đủ và kịp thời cho Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đề xuất các giải pháp để thực hiện các chiến lược kinh doanh do HĐQT đưa ra. Trực tiếp chỉ đạo việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán kịp thời, chính xác theo đúng quy định

### CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đề xuất với Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2016 - 2017 của Công ty.
- Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông niên độ tài chính 2016- 2017.
- Chỉ đạo và giám sát việc sửa đổi Điều lệ công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua.
- Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện việc công bố thông tin theo thông tư hướng dẫn công bố thông tin số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2015.
- Tập trung nguồn lực cho vùng nuôi cá nguyên liệu đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, giá thành cá nuôi hiệu quả cao nhất.

- Tổ chức lại lao động; nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng; duy trì sản xuất ổn định và kiểm soát chặt chẽ các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh..
- Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thương mại cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng như giao hàng đúng tiến độ, chất lượng sản phẩm đúng như cam kết.
- Sử dụng đồng vốn có hiệu quả, tập trung cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi, không đầu tư ngoài ngành.
- Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho cán bộ quản lý, công nhân lao động bằng chính thành quả lao động đã làm ra, mang lại nhiều lợi ích cho cổ đông và cộng đồng.



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị  
Số lượng thành viên : 5 người. Trong đó:  
+ Thành viên bên trong : 3 người  
+ Thành viên bên ngoài : 2 người  
Nhiệm kỳ: 5 năm

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ghi chú
1. Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	2013 - 2018	Thành viên độc lập
2. Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	2013 - 2018	Thành viên độc lập
3. Nguyễn Văn Ký	Phó Chủ tịch	2013 - 2018	
4. Võ Thành Thông	Thành viên	2013 - 2018	
5. Võ Văn Phong	Thành viên	2013 - 2018	





## TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁ NHÂN CỦA CÁC THÀNH VIÊN



### NGÔ PHƯỚC HẬU - TỔNG GIÁM ĐỐC

**Giới tính** : Nam  
**Ngày tháng năm sinh** : 08/06/1956  
**Nơi sinh** : Châu Phú A, Thị xã Châu Đốc, An Giang  
**CMND** : 350624332 ngày cấp 05 - 03 - 2001, nơi cấp: An Giang  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Dân tộc** : Kinh  
**Địa chỉ thường trú** : 37/28 Trần Đình Xu, Phường Cầu Kho, Quận I, TPHCM  
**Số ĐT liên lạc** : 0913834615  
**Trình độ chuyên môn** : Kỹ sư sinh hoá

- **Quá trình công tác:** 1995 - 2001: Giám đốc Công ty XNK Thủy sản An Giang  
 2001 đến 2009: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Agifish

- **Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Chủ tịch HĐQT
- **Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)
- **Số CP nắm giữ ( tại thời điểm hiện nay )** : 11.000 cổ phần, chiếm 0,04 % vốn điều lệ
- **Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** : Không
- **Những khoản nợ đối với Công ty** :
- **Lợi ích liên quan đối với Công ty** :
- **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** :



### DƯƠNG MINH NGỌC

**Giới tính** : Nam  
**Ngày tháng năm sinh** : 22/10/1956  
**Nơi sinh** : TP.Hồ Chí Minh  
**CMND** : 021997925, ngày cấp 20 - 10 - 2003 nơi cấp: TPHCM  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Dân tộc** : Kinh  
**Địa chỉ thường trú** : 218/33/7 Minh Phụng, Phường 6, Q6, TPHCM  
**Số ĐT liên lạc** : 0903 311 111  
**Trình độ chuyên môn** : Kinh doanh

- **Quá trình công tác:** Từ 1975 đến 1984: Phó Giám đốc kiêm Chỉ huy trưởng Nông trường Duyên Hải.  
 Từ 1984 đến 1994: Giám đốc Công ty chế biến thủy sản Hùng Vương.  
 Từ 2003 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương

- **Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- **Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương
- **Số CP nắm giữ ( tại thời điểm hiện nay )** : 22.370.625 cổ phần, chiếm 79,58 % vốn điều lệ  
 + Đại diện sở hữu: 22.370.625 cổ phần, chiếm 79,58 % vốn điều lệ  
 + Cá nhân sở hữu: :
- **Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** : Không
- **Những khoản nợ đối với Công ty** :
- **Lợi ích liên quan đối với Công ty** :
- **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** :

Ông **NGUYỄN VĂN KÝ** (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

Ông **VÕ VĂN PHONG** (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

Ông **VÕ THÀNH THÔNG** (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

- **Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:** không có
- **Hoạt động của Hội đồng quản trị**  
 - Thành phần, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với sự phát triển của Công ty trong tình hình hiện nay. Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế để đề ra những chủ trương, định hướng phát triển phù hợp.

- Hội đồng quản trị đã triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (Agifish) vào lúc 9h30 ngày 25 tháng 10 năm 2015, tại Hội trường trụ sở Công ty số 1234 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Ngô Phước Hậu, Chủ tịch HĐQT, thay mặt cho đoàn chủ tịch đọc tờ trình trước Đại hội các nội dung cần biểu quyết thông qua

- Điều chỉnh phương án chi cổ tức năm 2015 :  
 + Chuyển Quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ( theo bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 30/6/2015 ) toàn bộ số tiền là 93.847.390.710 đồng ( chín mươi ba tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm chín mươi ngàn bảy trăm mười đồng )  
 + Điều chỉnh mức chi trả cổ tức năm 2015: từ chi bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%/vốn điều lệ sang phương án chi bằng tiền mặt 25%/vốn điều lệ ( 2.500 đồng/cổ phiếu )  
 + Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan, đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và Công ty

- Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ  
 + Phát hành 7.027.435 cổ phiếu với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá 10.000 đồng tương ứng với 70.274.350.000 đồng ( Bảy mươi tỷ hai trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng ) cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu với tỷ lệ 4:1

(Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được hưởng 01 quyền mua và cứ 4 quyền mua sẽ được quyền mua 01 cổ phiếu mới theo nguyên tắc làm tròn xuống hàng đơn vị )

+ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện các công việc có liên quan đến việc phát hành chào bán cổ phiếu theo phương án đã được duyệt, chọn lựa thời gian phát hành, đơn vị tư vấn Xây dựng chi tiết phương án phân bổ vốn thu được từ đợt chào bán và lựa chọn thời điểm tiến hành giải ngân sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và đảm bảo lợi ích cao nhất cho Cổ đông và cho Công ty và những vấn đề khác mà HĐQT thấy cần thiết liên quan đến việc phát hành

- Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (Agifish) vào lúc 9h00 ngày 26 tháng 01 năm 2016, tại Hội trường trụ sở Công ty số 1234 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Ngô Phước Hậu, Chủ tịch HĐQT, thay mặt cho đoàn chủ tịch đọc tờ trình trước Đại hội các nội dung cần biểu quyết thông qua

- + Thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban giám đốc, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm 2015 sau kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2015;
- + Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch, sản xuất kinh doanh trong niên độ tài chính 2015 - 2016
- + Thông qua đề xuất mức chi cổ tức trong niên độ tài chính 2015 - 2016.
- + Thông qua việc ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty từ danh sách các Công ty kiểm toán trong niên độ tài chính 2015 - 2016 : KLMG; Ernts & Young Việt Nam; Deloitte
- + Đề xuất sửa đổi, thông qua Điều lệ hoạt động và tổ chức của Công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014.
- + Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	7	100%	
2	Dương Ngọc Minh	P.Chủ tịch	7	100%	
3	Nguyễn Văn Ký	P.Chủ tịch	7	100%	
4	Phù Thanh Danh	TV	4	100%	Từ nhiệm từ 16/01/2016
5	Võ Thành Thông	TV	7	100%	
6	Võ Văn Phong	TV	3	100%	Đắc cử từ 26/01/2016



- Họp Hội đồng quản trị lần thứ 67 ngày 06/10/2015 để thảo luận quyết định về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015.

- Họp Hội đồng quản trị lần thứ 68 ngày 25/11/2015 để thảo luận và quyết định:
  - Chi trả cổ tức năm 2015 theo tỷ lệ 25% bằng tiền mặt;
  - Tổ chức Hội nghị thường niên đại hội đồng cổ đông thường niên 2015-2016 vào ngày 29/01/2016;

- Họp Hội đồng quản trị lần thứ 69 ngày 19/12/2015 để thảo luận và quyết định thay đổi thời gian tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 vào ngày 26/01/2016;

- Họp Hội đồng quản trị lần thứ 70 ngày 16/01/2016: thảo luận và quyết định chấp thuận đơn xin từ nhiệm của Ông Phù Thanh Danh và bổ nhiệm tạm thời Ông Võ Văn Phong thay thế cho Ông Phù Thanh Danh từ ngày 16/01/2016;

- Họp Hội đồng quản trị lần thứ 71 ngày 19/02/2016: Thảo luận và quyết định nhân sự Ban Giám đốc gồm 03 người đồng thời miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Phù Thanh Danh từ ngày 19/02/2016;

- Họp Hội đồng quản trị lần thứ 72 ngày 19/4/2016: thảo luận và quyết định Ông Võ Thành Thông tạm thời kiêm nhiệm Kế toán trưởng thay thế Ông Huỳnh Minh Thống nghỉ điều trị bệnh từ ngày 15/4/2016 - 31/5/2016;

- Họp Hội đồng quản trị lần thứ 73 ngày 17/6/2016: thảo luận và quyết định Ông Võ Thành Thông Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng thay thế Ông Huỳnh Minh Thống từ ngày 17/6/2016;

**Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:**

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT/2015-2016	06/10/2015	Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015
2	02/NQHĐQT/2015-2016	25/11/2015	- Chi trả cổ tức năm 2015 tỷ lệ 25% bằng tiền mặt đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 thông qua ngày 23/10/2015 - Tổ chức Hội nghị thường niên Đại hội đồng cổ đông niên độ tài chính 2015 - 2016 ngày 29/01/2016
3	03/NQHĐQT/2015-2016	19/12/2015	Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2015-2016 ngày 26/01/2016
4	04/NQHĐQT/2015-2016	16/01/2016	Thông qua đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của Ông Phù Thanh Danh từ ngày 16/01/2016
5	05/NQHĐQT/2015-2016	16/01/2016	Bổ nhiệm tạm thời Ông Võ Văn Phong làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế Ông Phù Thanh Danh kể từ ngày 16/01/2016
6	06/NQHĐQT/2015-2016	19/02/2016	Quyết định nhân sự Ban Tổng giám đốc là 3 người, đồng thời miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với Ông Phù Thanh Danh từ ngày 19/02/2016
7	07/NQHĐQT/2015-2016	19/4/2016	Phân công Ông Võ Thành Thông tạm thời đảm nhận Kế toán trưởng thay thế Ông Huỳnh Minh Thống nghỉ điều trị bệnh từ ngày 15/4/2016 đến 31/5/2016.
8	08/NQHĐQT/2015-2016	17/6/2016	Bổ nhiệm Ông Võ Thành Thông, Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Kế toán trưởng thay Ông Huỳnh Minh Thống từ ngày 17/6/2016.

Thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán niên độ kế toán 2015 - 2016.

**BAN KIỂM SOÁT**

**Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**



**LÊ NAM HẢI**

**Giới tính** : Nam  
**Ngày tháng năm sinh** : 17/07/1971  
**Nơi sinh** : Hải Dương  
**CMND** : 022341792 ngày cấp 20/02/2008, nơi cấp: TPHCM  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Dân tộc** : Kinh  
**Địa chỉ thường trú** : 43 Nguyễn Đình Chi, Phường 9, Quận 6, Tp HCM  
**Số ĐT liên lạc** : 0902838383  
**Trình độ chuyên môn** : Cử nhân tài chính, kế toán

**Quá trình công tác:** + Từ 1993 đến 1998: Ngân hàng TMCP Quế Đô  
 + Từ 1998 đến 2010: Công ty kiểm toán AASC

- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Agifish
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Hùng Vương
- Số CP nắm giữ ( tại thời điểm hiện nay )** :
- Những khoản nợ đối với Công ty** : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không



**NGUYỄN THANH TÙNG**

**Giới tính** : Nam  
**Ngày tháng năm sinh** : 25/05/1983  
**Nơi sinh** : Hà Nội  
**CMND** : 012345319 ngày cấp 28/06/2000, nơi cấp: CA Hà Nội  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Dân tộc** : Kinh  
**Địa chỉ thường trú** : 42 Ấu Triệu, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
**Số ĐT liên lạc** : 0733854245  
**Trình độ chuyên môn** : Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:** Từ 2006 đến 2007 : Chuyên viên giao dịch Tiền tệ Ngoại hối – Trung tâm Nguồn vốn – Ngân hàng TMCP Techcombank  
 Từ 2007 đến 2009 : Chuyên viên tư vấn – Bộ phận dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn ( SSI )  
 Từ 2009 đến 2011 : Chuyên viên Tư vấn – Bảo lãnh phát hành – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí ( PSI )  
 Từ 2011 đến nay Trợ lý HĐQT Công ty CP Hùng vương, Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Lâm thủy sản Bến Tre

- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Agifish
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : - Trợ lý HĐQT Công ty CP Hùng vương  
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Lâm thủy sản Bến Tre
- Số CP nắm giữ ( tại thời điểm hiện nay )** :
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** : Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty** : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không





## TRIỆU NGUYỄN NGỌC MINH

Giới tính : Nữ  
 Ngày tháng năm sinh : 11/08/1985  
 Nơi sinh : Rạch Giá – Kiên Giang  
 CMND : 361973782 ngày cấp 05 – 09 - 2000, nơi cấp: Cần Thơ  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Địa chỉ thường trú : 144 Khu vực 2, Phường Ba Láng, Q. Cái Răng, Cần Thơ  
 Số ĐT liên lạc : 01684641900  
 Trình độ chuyên môn : Cử Nhân Kinh Tế

• **Quá trình công tác:** Từ 01/09/2008 đến nay: Cty XNK Thủy Sản An Giang - 1234 Trần Hưng Đạo Tp.Long Xuyên An Giang

- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết : TNhân viên Xí nghiệp Dịch vụ thủy sản
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số CP nắm giữ ( tại thời điểm hiện nay ) :
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết : Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

• **Hoạt động của Ban kiểm soát :**

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, kịp thời giám sát và góp ý kiến cho các hoạt động cũng như quyết định của HĐQT theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

### CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

**a) Thù lao cho Hội đồng quản trị trong niên độ 2015-2016 như sau:**

Trong niên độ 2015-2016, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ Công ty.

**b) Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan:** Không có

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ :** không có

**d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty :**

Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của nhà nước.







# BÁO CÁO TÀI CHÍNH





# MỤC LỤC

Thông tin chung .....	1
Báo cáo của Ban Giám đốc.....	2
Báo cáo kiểm toán độc lập .....	3 - 4
Bảng cân đối kế toán .....	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ .....	8
Thuyết minh báo cáo tài chính .....	10 - 30



## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 5 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.
- Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 16/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2002.
- Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nuôi trồng thủy sản, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ thủy sản và dịch vụ kho vận.
- Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1234 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông <b>Ngô Phước Hậu</b>	---	Chủ tịch	
Ông <b>Dương Ngọc Minh</b>	---	Phó Chủ tịch	
Ông <b>Nguyễn Văn Ký</b>	---	Thành viên	
Ông <b>Võ Thành Thông</b>	---	Thành viên	
Ông <b>Võ Văn Phong</b>	---	Thành viên	--- bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2016
Ông <b>Phù Thanh Danh</b>	---	Thành viên	--- từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2016

### BAN KIỂM SOÁT

- Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông <b>Lê Nam Hải</b>	---	Trưởng ban
Bà <b>Triệu Nguyễn Ngọc Minh</b>	---	Thành viên
Ông <b>Nguyễn Thanh Tùng</b>	---	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

- Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông <b>Nguyễn Văn Ký</b>	---	Tổng Giám đốc	
Ông <b>Võ Thành Thông</b>	---	Phó Tổng Giám đốc	
Ông <b>Võ Văn Phong</b>	---	Phó Tổng Giám đốc	
Ông <b>Phù Thanh Danh</b>	---	Phó Tổng Giám đốc	--- từ nhiệm ngày 19 tháng 2 năm 2016

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông **Nguyễn Văn Ký**.

### KIỂM TOÁN VIÊN

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn **Ernst & Young Việt Nam** là công ty kiểm toán cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:
  - Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
  - Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
  - Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
  - Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.
- Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Văn Ký  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

An Giang, Việt Nam  
Ngày 23 tháng 12 năm 2016



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("Công ty"), được lập ngày 23 tháng 12 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 9 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### VẤN ĐỀ KHÁC

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 chỉ được trình bày cho mục đích so sánh, chưa được kiểm toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2223-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 23 tháng 12 năm 2016

Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3040-2014-004-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2016)


VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.905.900.090.288</b>	<b>1.787.287.015.812</b>
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>4</b>	<b>27.815.947.456</b>	<b>46.056.851.546</b>
111	1. Tiền		27.815.947.456	36.056.851.546
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
130	<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		<b>1.246.327.203.853</b>	<b>508.208.790.936</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.274.118.021.347	482.895.132.481
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	18.159.810.021	54.642.352.184
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	8.100.000.000	8.100.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	23.086.695.347	38.622.880.154
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 8	(77.137.322.862)	(76.051.573.883)
140	<i>III. Hàng tồn kho</i>	<b>9</b>	<b>591.685.298.557</b>	<b>1.176.476.606.594</b>
141	1. Hàng tồn kho		601.817.506.356	1.189.026.629.095
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.132.207.799)	(12.550.022.501)
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		<b>40.071.640.422</b>	<b>56.544.766.736</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	3.388.838.836	2.663.751.176
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		30.137.498.055	47.015.996.409
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	6.545.303.531	6.865.019.151
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>548.411.349.779</b>	<b>742.545.119.740</b>
210	<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		<b>143.833.213.537</b>	<b>324.395.779.875</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	142.925.213.537	323.712.779.875
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	908.000.000	683.000.000
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		<b>301.638.822.017</b>	<b>330.128.894.784</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	234.498.347.746	262.986.737.549
222	Nguyên giá		588.313.497.838	575.988.702.988
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(353.815.150.092)	(313.001.965.439)
227	2. Tài sản vô hình	11	67.140.474.271	67.142.157.235
228	Nguyên giá		67.588.245.044	67.588.245.044
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(447.770.773)	(446.087.809)
240	<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>		<b>39.644.690.978</b>	<b>17.768.578.913</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	39.644.690.978	17.768.578.913
250	<i>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>13</b>	-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		212.600.000	212.600.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(212.600.000)	(212.600.000)
260	<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>		<b>63.294.623.247</b>	<b>70.251.866.168</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	61.488.511.637	66.666.028.171
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30,3	1.806.111.610	3.585.837.997
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.454.311.440.067</b>	<b>2.529.832.135.552</b>

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.665.410.150.170</b>	<b>1.672.983.405.842</b>
310	<i>I. Nợ ngắn hạn</i>		<b>1.638.595.187.670</b>	<b>1.661.508.141.717</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	752.364.181.767	600.576.152.582
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.292.870.329	1.741.141.050
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	983.048.011	708.143.254
314	4. Phải trả người lao động		14.975.909.610	15.234.101.982
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	12.977.353.675	16.027.414.981
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	750.000.000	750.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	8.824.712.226	9.591.431.657
320	8. Vay ngắn hạn	19	840.856.704.730	1.011.184.047.694
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		570.407.322	5.695.708.517
330	<i>II. Nợ dài hạn</i>		<b>26.814.962.500</b>	<b>11.475.264.125</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	437.500.000	1.187.500.000
338	2. Vay dài hạn	19	16.000.000.000	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	21	10.377.462.500	10.287.764.125
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>788.901.289.897</b>	<b>856.848.729.710</b>
410	<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<b>22</b>	<b>788.901.289.897</b>	<b>856.848.729.710</b>
411	1. Vốn cổ phần		281.097.430.000	281.097.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		281.097.430.000	281.097.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		411.288.522.916	411.288.522.916
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	93.847.390.710
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		95.006.609.430	69.106.658.533
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		92.679.691.743	69.552.164.137
421b	- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay		2.326.917.687	(445.505.604)
422	5. Nguồn vốn đầu tư XDCB		1.508.727.551	1.508.727.551
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.454.311.440.067</b>	<b>2.529.832.135.552</b>

  
Huỳnh Xuân Vinh  
Người lập

  
Võ Thành Thông  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Ký  
Tổng Giám Đốc



Ngày 23 tháng 12 năm 2016



# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1/10/2014 đến ngày 30/9/2015 (Chưa kiểm toán)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	3.303.064.677.141	2.367.752.723.636
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(11.694.508.543)	(7.110.737.913)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	3.291.370.168.598	2.360.641.985.723
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(3.066.559.694.958)	(2.123.418.844.429)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		224.810.473.640	237.223.141.294
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	25.992.518.449	10.808.936.838
22	7. Chi phí tài chính	27	(86.252.459.708)	(69.506.592.846)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(60.064.144.042)	(47.661.317.294)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(138.280.333.477)	(159.914.160.350)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(21.091.410.084)	(30.017.239.024)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		5.178.788.820	(11.405.914.088)
31	11. Thu nhập khác	28	579.999.926	9.276.786.212
32	12. Chi phí khác	28	(1.393.598.262)	(293.602.879)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	28	(813.598.336)	8.983.183.333
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		4.365.190.484	(2.422.730.755)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.2	-	(1.953.770.890)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	(1.779.726.387)	1.214.091.517
60	17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		2.585.464.097	(3.162.410.128)
70	18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	22.4	82,78	(112,50)
71	19. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	22.4	82,78	(112,50)

Huỳnh Xuân Vinh

Người lập

Ngày 23 tháng 12 năm 2016

Võ Thành Thông

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ký

Tổng Giám Đốc



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1/10/2014 đến ngày 30/9/2015 (Chưa kiểm toán)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		4.365.190.484	(2.422.730.755)
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	41.673.638.690	40.386.643.623
03	Các khoản dự phòng		(1.242.367.348)	29.648.411.413
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		5.324.046.223	5.130.780.276
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(421.282.881)	(9.204.646.162)
06	Chi phí lãi vay	27	60.064.144.042	47.661.317.294
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		109.763.369.210	111.199.775.689
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(540.387.090.093)	228.292.834.853
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		587.209.122.739	(445.596.070.274)
11	Tăng các khoản phải trả		151.070.808.171	219.859.477.358
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		6.682.093.968	(22.421.384.086)
14	Tiền lãi vay đã trả		(60.148.007.105)	(47.091.318.073)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.2	-	(12.258.241.293)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.383.847.605)	(6.220.975.763)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		248.806.449.285	25.764.098.411
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(40.131.530.047)	9.945.333.850
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	9.700.000.000
24	Tiền thu hồi cho vay		-	1.900.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		742.823.148	646.620.285
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(39.388.706.899)	(17.698.713.565)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	Tiền vay nhận được		1.594.203.027.216	2.056.884.533.357
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.751.650.814.267)	(2.040.266.789.522)
36	Cổ tức đã trả		(70.239.749.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(227.687.536.051)	16.617.743.835
50	(Giảm) tăng tiền thuần trong năm		(18.269.793.665)	24.683.128.681
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		46.056.851.546	21.098.766.511
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		28.889.575	274.956.354
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	27.815.947.456	46.056.851.546

Huỳnh Xuân Vinh

Người lập

Ngày 23 tháng 12 năm 2016

Võ Thành Thông

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ký

Tổng Giám Đốc





# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 5 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.
- Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 16/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2002.
- Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nuôi trồng thủy sản, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ thủy sản và dịch vụ kho vận.
- Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
- Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 2.617 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2015: 3.052 nhân viên).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:
  - Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
  - Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
  - Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
  - Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
  - Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

### 2.3 KỶ KẾ TOÁN NĂM

- Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, ngày kết thúc kỳ kế toán của Công ty đã thay đổi từ ngày 31 tháng 12 sang ngày 30

tháng 9 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2015 ngày 19 tháng 3 năm 2015.

- Theo đó, kỳ kế toán năm trước của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015. Kỳ kế toán năm hiện hành của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 và kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.
- Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 chỉ được trình bày cho mục đích so sánh.

### 2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 HÀNG TỒN KHO

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.
- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:
  - Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
  - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm - chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- Tài sản cố định hữu hình và tài sản vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.
- Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Quyền sử dụng đất
  - Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy

định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

### 3.5 KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

- Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	48 năm
Nhà cửa	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	3 - 10 năm

### 3.6 CHI PHÍ ĐI VAY

- Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

### 3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.
- Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời gian từ 1 đến 19 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

### 3.8 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.9 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

- Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.10 TRỢ CẤP THỜI VIỆC PHẢI TRẢ

- Trợ cấp thời việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thời việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khoản trợ cấp thời việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thời việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

### 3.11 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:
  - Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán; và
  - Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.12 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

- Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

### 3.13 GHI NHẬN DOANH THU

- Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

- Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 3.14 LÃI (LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU

- Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

- Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 3.15 THUẾ

Thuế thu nhập hiện hành

- Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

- Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

- Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

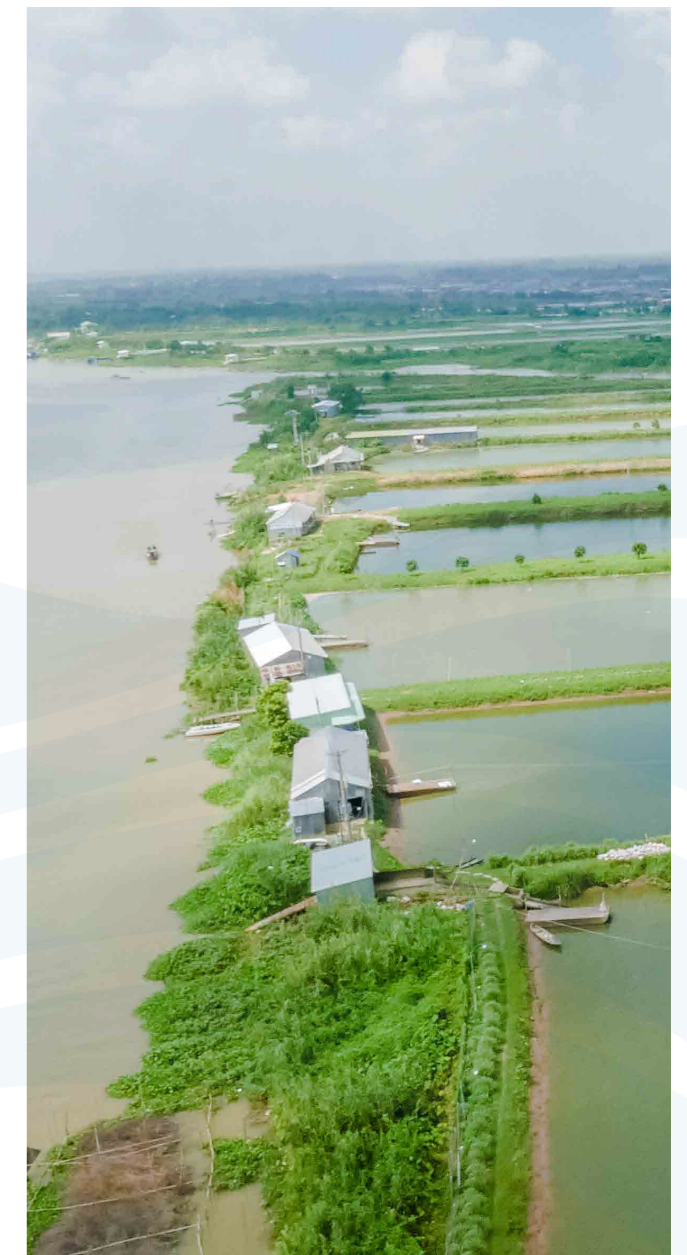
- Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho

năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

- Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

- Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.495.794.026	3.465.514.142
Tiền gửi ngân hàng	21.320.153.430	32.591.337.404
Các khoản tương đương tiền (*)	-	10.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.815.947.456</b>	<b>46.056.851.546</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất tiết kiệm áp dụng.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	1.045.992.034.087	451.060.803.155
Phải thu các bên khác		
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Thủy sản Hưng Thành	360.417.268.059	30.356.857.150
Công ty Cổ phần Nông Thủy sản Việt Phú	266.998.767.666	74.248.137.391
M&T Seafood's Corp	81.535.899.490	-
Khác	337.040.098.872	346.455.808.614
Phải thu các bên liên quan	228.125.987.260	31.834.329.326
(Thuyết minh số 31)	1.274.118.021.347	482.895.132.481
<b>Dài hạn</b>		
M&T Seafood's Corp	142.925.213.537	323.712.779.875
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.417.043.234.884</b>	<b>806.607.912.356</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(65.740.552.612)	(65.851.573.883)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.351.302.682.272</b>	<b>740.756.338.473</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1/10/2014 đến ngày 30/9/2015 (Chưa kiểm toán)
Số đầu năm	65.851.573.883	55.442.436.896
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	547.907.657	10.409.136.987
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(658.928.928)	-
Số cuối năm	65.740.552.612	65.851.573.883

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên khác	13.010.419.232	45.992.961.395
Trong đó:		
Nguyễn Văn Thuận	3.925.707.022	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	2.943.520.000	2.250.000.000
Trung tâm Phát triển Quỹ Đất - Châu Thành, Đồng Tháp	1.866.828.000	1.866.828.000
Khác	4.274.364.210	41.876.133.395
Trả trước cho các bên liên quan	5.149.390.789	8.649.390.789
(Thuyết minh số 31)		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.159.810.021</b>	<b>54.642.352.184</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản tiền cho Công ty Cổ phần Giải Trí Châu Á vay tín chấp với lãi suất là 3,3%/năm và đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Giải Trí Châu Á	8.100.000.000	(1.050.000.000)	8.100.000.000	-

**8. PHẢI THU KHÁC**

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	10.200.000.000	(10.200.000.000)	10.200.000.000	(10.200.000.000)
Phải thu cá nhân về chuyển nhượng khoản đầu tư	8.427.150.627	-	8.325.255.011	-
Tạm ứng cho nhân viên	4.459.544.720	(146.770.250)	20.097.625.143	-
Phải thu khác	23.086.695.347	(10.346.770.250)	38.622.880.154	(10.200.000.000)
<b>Dài hạn</b>				
Ký quỹ, ký cược	908.000.000	-	683.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.994.695.347</b>	<b>(10.346.770.250)</b>	<b>39.305.880.154</b>	<b>(10.200.000.000)</b>
Trong đó:				
Phải thu các bên khác	19.084.449.473	(10.346.770.250)	20.648.005.532	(10.200.000.000)
Phải thu các bên liên quan	4.910.245.874	-	18.657.874.622	-
(Thuyết minh số 31)				



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

**9. HÀNG TỒN KHO**

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	338.316.378.382	483.069.146.441
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	238.308.699.466	675.689.428.779
Nguyên vật liệu	24.241.176.144	28.390.842.668
Công cụ, dụng cụ	738.861.714	824.913.354
Hàng hóa	212.390.650	1.052.297.853
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>601.817.506.356</b>	<b>1.189.026.629.095</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.132.207.799)	(12.550.022.501)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>591.685.298.557</b>	<b>1.176.476.606.594</b>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp một số hàng tồn kho để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1/10/2014 đến ngày 30/9/2015 (Chưa kiểm toán)
Số đầu năm	12.550.022.501	3.811.112.200
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	8.738.910.301
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.417.814.702)	-
Số cuối năm	<b>10.132.207.799</b>	<b>12.550.022.501</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

VND

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	169.512.630.991	388.681.335.212	16.329.005.419	1.348.813.184	116.918.182	575.988.702.988
Mua sắm mới	2.781.358.480	492.000.000	-	-	-	3.273.358.480
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản hoàn thành	3.828.748.899	6.081.635.175	321.363.636	-	-	10.231.747.710
Xóa sổ	-	(1.180.311.340)	-	-	-	(1.180.311.340)
Phân loại lại	(89.391.429)	89.391.429	-	-	-	-
Số cuối năm	176.033.346.941	394.164.050.476	16.650.369.055	1.348.813.184	116.918.182	588.313.497.838
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	8.986.153.436	24.160.874.356	4.734.744.462	910.667.469	-	38.792.439.723
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	(58.537.322.642)	(243.023.816.494)	(10.148.387.523)	(1.228.139.547)	(64.299.233)	(313.001.965.439)
Khấu hao trong năm	(8.069.946.672)	(32.306.401.401)	(1.204.910.951)	(59.871.558)	(30.825.144)	(41.671.955.726)
Xóa sổ	-	858.771.073	-	-	-	858.771.073
Số cuối năm	(66.607.269.314)	(274.471.446.822)	(11.353.298.474)	(1.288.011.105)	(95.124.377)	(353.815.150.092)
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	110.975.308.349	145.657.518.718	6.180.617.896	120.673.637	52.618.949	262.986.737.549
Số cuối năm	109.426.077.627	119.692.603.654	5.297.070.581	60.802.079	21.793.805	234.498.347.746
<b>Trong đó:</b>						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)	28.763.925.908	19.734.393.760	-	-	-	48.498.319.668



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>67.372.729.044</u>	<u>215.516.000</u>	<u>67.588.245.044</u>
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	215.516.000	215.516.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	(230.571.809)	(215.516.000)	(446.087.809)
Hao mòn trong năm	(1.682.964)	-	(1.682.964)
Số cuối năm	<u>(232.254.773)</u>	<u>(215.516.000)</u>	<u>(447.770.773)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>67.142.157.235</u>	-	<u>67.142.157.235</u>
Số cuối năm	<u>67.140.474.271</u>	-	<u>67.140.474.271</u>
Trong đó:			
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)	26.056.644.031	-	26.056.644.031

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quyền sử dụng đất (*)	21.000.000.000	-
Mở rộng kho vận	10.807.963.658	10.807.963.658
Máy móc, thiết bị đang lắp đặt	6.857.948.747	1.965.386.031
Hệ thống dẫn nước đang lắp đặt	777.704.745	4.011.537.666
Khác	201.073.828	983.691.558
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>39.644.690.978</u></b>	<b><u>17.768.578.913</u></b>

(\*) Như được trình bày trong Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<u>212.600.000</u>	<u>(212.600.000)</u>	-	<u>212.600.000</u>	<u>(212.600.000)</u>	-

Chi tiết giá trị khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này như sau:

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Bóng đá Hùng Vương - An Giang	<u>21.260</u>	<u>212.600.000</u>	<u>21.260</u>	<u>212.600.000</u>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	2.160.845.141	1.734.623.071
Chi phí sửa chữa	956.435.059	929.128.105
Công cụ, dụng cụ	271.558.636	-
Khác	<u>3.388.838.836</u>	<u>2.663.751.176</u>
<b>Dài hạn</b>	60.788.528.006	66.043.811.547
Tiền thuê đất trả trước	296.518.702	622.216.624
Công cụ, dụng cụ	403.464.929	-
Khác	<u>61.488.511.637</u>	<u>66.666.028.171</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>64.877.350.473</u></b>	<b><u>69.329.779.347</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	474.051.304.151	472.577.258.523
Phải trả các bên khác	<u>278.312.877.616</u>	<u>127.998.894.059</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>752.364.181.767</u></b>	<b><u>600.576.152.582</u></b>







Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng nhằm mục đích tài trợ cho việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức thế chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tập đoàn Petrolimex - Chi nhánh An Giang	20.000.000.000	Trả hàng năm số tiền 4.000.000.000 VND từ ngày 26/9/2017 đến ngày 29/9/2021	8,5	Quyền sử dụng đất hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000			
Vay dài hạn	16.000.000.000			

## 20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu từ việc cho thuê đất.

## 21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn khác thể hiện khoản trợ cấp thời việc phải trả được trích lập theo Điều 48 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.10.

## 22. VỐN SỞ HỮU

	Vốn cổ phần			Thặng dư vốn cổ phần			Vốn cộng		
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng	
<b>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)</b>									
Số đầu năm	255.544.500.000	411.288.522.916	80.988.102.710	12.859.288.000	105.034.456.317	1.508.727.551	867.223.597.494		
(đã được trình bày trước đây)									
Trình bày lại (*)	-	-	12.859.288.000	(12.859.288.000)	-	-	-		
Số đầu năm	255.544.500.000	411.288.522.916	93.847.390.710	-	105.034.456.317	1.508.727.551	867.223.597.494		
(được trình bày lại)									
Tăng vốn	25.552.930.000	-	-	-	(25.552.930.000)	-	-		
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(3.162.410.128)	-	(3.162.410.128)		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.212.457.656)	-	(7.212.457.656)		
Số cuối năm	281.097.430.000	411.288.522.916	93.847.390.710	-	69.106.658.533	1.508.727.551	856.848.729.710		
<b>Năm nay</b>									
Số đầu năm	281.097.430.000	411.288.522.916	93.847.390.710	-	69.106.658.533	1.508.727.551	856.848.729.710		
Hoàn nhập quỹ (**)	-	-	(93.847.390.710)	-	93.847.390.710	-	-		
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	2.585.464.097	-	2.585.464.097		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(258.546.410)	-	(258.546.410)		
Cổ tức công bố (***)	-	-	-	-	(70.274.357.500)	-	(70.274.357.500)		
Số cuối năm	281.097.430.000	411.288.522.916	93.847.390.710	-	95.006.609.430	1.508.727.551	788.901.289.897		

(\*) Trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

(\*\*) Quỹ đầu tư phát triển được hoàn nhập vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường ngày 23 tháng 10 năm 2015.

(\*\*\*) Theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường ngày 23 tháng 10 năm 2015, Công ty đã thông báo chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 25% trên mệnh giá, từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

## 22.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)	
	Năm nay	
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm	281.097.430.000	255.544.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	25.552.930.000
Số cuối năm	281.097.430.000	281.097.430.000
Cổ tức công bố	70.274.357.500	25.552.930.000
Cổ tức chi trả bằng tiền	70.239.749.000	-
Cổ tức còn phải chi trả	34.608.500	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	25.552.930.000

## 22.3 CỔ PHIẾU

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	28.109.743	28.109.743
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	28.109.743	28.109.743
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	28.109.743	28.109.743

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 30 tháng 9 năm 2015: 10.000 VND/cổ phiếu).

## 22.4 LÃI (LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)	
	Năm nay	
Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.585.464.097	(3.162.410.128)
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(258.546.410)	-
<b>Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>2.326.917.687</b>	<b>(3.162.410.128)</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (cổ phiếu)	28.109.743	28.109.743
<b>Lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>82,78</b>	<b>(112,50)</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tính với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 1 năm 2016.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

**23. DOANH THU****23.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.303.064.677.141</b>	<b>2.367.752.723.636</b>
Trong đó:		
Doanh thu xuất khẩu cá	1.322.748.190.981	1.319.834.324.169
Doanh thu cá nguyên liệu	675.201.820.902	89.559.669.419
Doanh thu bán cá nội địa	568.441.998.768	472.698.776.741
Doanh thu hàng phụ phẩm	340.612.073.549	280.709.082.032
Doanh thu hàng hóa	340.344.413.032	181.716.414.625
Doanh thu dịch vụ	41.713.623.376	12.303.323.087
Doanh thu thuốc thú y thủy sản	13.449.101.479	7.488.895.921
Doanh thu khác	553.455.054	3.442.237.642
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(11.694.508.543)</b>	<b>(7.110.737.913)</b>
Giảm giá hàng bán	(3.644.655.357)	(637.466.770)
Hàng bán bị trả lại	(8.049.853.186)	(6.473.271.143)
	<b>3.291.370.168.598</b>	<b>2.360.641.985.723</b>
<b>DOANH THU THUẦN</b>		
Trong đó:		
Doanh thu xuất khẩu cá	1.313.250.100.163	1.312.777.783.309
Doanh thu cá nguyên liệu	675.201.820.902	89.559.669.419
Doanh thu bán cá nội địa	568.321.516.771	472.644.579.688
Doanh thu hàng phụ phẩm	338.537.556.392	280.709.082.032
Doanh thu hàng hóa	340.342.994.461	181.716.414.625
Doanh thu dịch vụ	41.713.623.376	12.303.323.087
Doanh thu thuốc thú y thủy sản	13.449.101.479	7.488.895.921
Doanh thu khác	553.455.054	3.442.237.642
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	3.017.920.974.580	2.172.057.183.952
Doanh thu đối với các bên liên quan	273.449.194.018	188.584.801.771

**23.2 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

VND

	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)
Lãi chênh lệch tỷ giá	25.249.695.301	9.744.988.371
Lãi tiền gửi	742.823.148	646.620.285
Lãi cho vay	-	364.567.500
Doanh thu khác	-	52.760.682
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.992.518.449</b>	<b>10.808.936.838</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

VND

	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)
Giá vốn cá xuất khẩu	1.276.063.407.616	1.199.454.483.954
Giá vốn cá nguyên liệu	624.369.717.360	87.137.623.831
Giá vốn cá bán nội địa	452.128.920.678	359.131.404.168
Giá vốn hàng phụ phẩm	338.298.649.135	278.552.245.664
Giá vốn hàng hóa	338.076.017.773	174.706.690.651
Giá vốn dịch vụ	27.150.232.565	7.659.149.659
Giá vốn thuốc thú y thủy sản	12.890.564.533	6.893.748.876
Giá vốn khác	(2.417.814.702)	9.883.497.626
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.066.559.694.958</b>	<b>2.123.418.844.429</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

VND

	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)
Chi phí vận chuyển	57.465.953.931	64.023.081.759
Chi phí lưu kho	28.965.216.733	29.231.294.804
Chi phí hoa hồng và hỗ trợ bán hàng	24.535.174.578	24.311.476.308
Chi phí bán hàng khác	27.313.988.235	42.348.307.479
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>138.280.333.477</b>	<b>159.914.160.350</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

VND

	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)
Chi phí lương	7.329.682.861	8.751.181.205
Chi phí thuê	4.344.682.209	2.734.435.229
Chi phí dự phòng	2.347.657.842	9.120.049.953
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.069.387.172	9.411.572.637
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.091.410.084</b>	<b>30.017.239.024</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

VND

	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)
Chi phí lãi vay	60.064.144.042	47.661.317.294
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.188.315.666	21.845.275.552
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.252.459.708</b>	<b>69.506.592.846</b>

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

VND

	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)
<b>Thu nhập khác</b>	<b>579.999.926</b>	<b>9.276.786.212</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	8.193.458.377
Khác	579.999.926	1.083.327.835
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.393.598.262)</b>	<b>(293.602.879)</b>
Lỗ từ xóa sổ tài sản cố định	(321.540.267)	-
Tiền phạt	(732.607.269)	-
Khác	(339.450.726)	(293.602.879)
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>(813.598.336)</b>	<b>8.983.183.333</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

VND

	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	2.122.470.315.503	2.226.740.000.934
Chi phí nhân công	217.430.934.505	208.112.249.579
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	41.673.638.690	40.386.643.623
Chi phí khác	262.298.164.163	291.776.701.071
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.643.873.052.861</b>	<b>2.767.015.595.207</b>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

• Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 15% thu nhập chịu thuế cho hoạt động chế biến thủy sản, và thuế suất phổ thông cho thu nhập chịu thuế cho các hoạt động khác (2015: 22%; 2016: 20%).

• Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

**30.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN**

VND

	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.953.770.890
Chi phí (thu nhập) thuế thu TNDN hoãn lại	1.779.726.387	(1.214.091.517)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.779.726.387</b>	<b>739.679.373</b>

**30.2 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

• Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) khác với lợi nhuận (lỗ) kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

• Bảng đối chiếu giữa lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của Công ty được trình bày như sau:

VND

	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)
<b>Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>4.365.190.484</b>	<b>(2.422.730.755)</b>
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Thay đổi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.703.000.492	(4.574.730.721)
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	89.698.375	(1.883.216.547)
Thay đổi chi phí phải trả	(501.192.542)	2.514.550.070
Các khoản khác	1.497.099.555	1.495.012.593
<b>Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) ước tính năm hiện hành chưa căn trừ lỗ năm trước</b>	<b>11.153.796.364</b>	<b>(4.871.115.360)</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	(11.153.796.364)	-
<b>Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) ước tính năm hiện hành sau khi căn trừ lỗ năm trước</b>	<b>-</b>	<b>(4.871.115.360)</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.953.770.890</b>
Thuế TNDN (nộp thừa) phải trả đầu năm	(6.466.307.408)	3.838.162.995
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	(12.258.241.293)
<b>Thuế TNDN nộp thừa cuối năm</b>	<b>(6.466.307.408)</b>	<b>(6.466.307.408)</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

### 30.3 THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Công ty đã ghi nhận các khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1/10/2014 đến ngày 30/9/2015 (Chưa kiểm toán)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Trợ cấp thôi việc phải trả	1.556.619.375	2.057.552.825	(500.933.450)	(672.566.858)
Chi phí phải trả	1.003.439.559	1.438.157.921	(434.718.362)	1.796.531.124
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	389.714.365	2.750.378.427	(2.360.664.062)	2.750.378.427
Khác	3.337.803	9.681.578	(6.343.775)	9.681.578
	<b>2.953.111.102</b>	<b>6.255.770.751</b>		
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.146.999.492)	(2.669.932.754)	1.522.933.262	(2.669.932.754)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	<b>1.806.111.610</b>	<b>3.585.837.997</b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>(1.779.726.387)</b>	<b>1.214.091.517</b>

#### Lỗi chuyển sang các năm sau

• Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 2.598.095.769 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2015: 13.751.892.133 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/9/2016	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/9/2016
2015	2020	13.751.892.133	(11.153.796.364)	2.598.095.769

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán cho đến ngày lập báo cáo tài chính này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

VND

Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)	
	Năm nay	Năm nay
Bán cá nguyên liệu	39.434.636.320	80.463.299.480
Bán thành phẩm	6.541.600.000	96.389.191.600
Bán hàng hóa	3.160.071.059	1.796.460.002
Bán cá giống	370.979.972	2.537.340.069
Thuê nhà kho	127.069.443	173.409.274
Mua cá nguyên liệu	22.863.186.800	16.830.881.300
Mua nguyên liệu	-	12.619.838.000
Chia cổ tức	55.926.562.500	-
Chi hộ	-	8.438.687.811
Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	626.114.140.400	672.721.791.715
Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	174.082.450.000	333.694.082.560
Bán hàng hóa	846.847.279	1.278.438.182
Bán cá giống	207.057.532.500	3.194.526.899
Bán hàng hóa	15.313.048.701	2.389.521.902
Thuế ao	3.500.000.000	5.541.666.673
Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	136.792.060.000	171.758.430.000
Bán hàng hóa	724.478.187	536.023.637
Tạm ứng mua cá giống	5.000.000.000	-

### 31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Hùng Vương

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Việt Thắng

Đồng sở hữu

Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương - Tây Nam

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương - Miền Tây

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương - Vĩnh Long

Bên liên quan

Ông Võ Văn Phong

Phó Tổng Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

### 31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương - Miền Tây	Bên liên quan	Bán hàng hóa	227.329.061.260	4.156.044.899
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương - Vĩnh Long	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	796.926.000	-
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán hàng hóa và dịch vụ	27.678.284.427	-
			<b>228.125.987.260</b>	<b>31.834.329.326</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	Tạm ứng mua nguyên liệu	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương - Miền Tây	Bên liên quan	Tạm ứng mua nguyên liệu	2.149.390.789	5.649.390.789
			<b>5.149.390.789</b>	<b>8.649.390.789</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Ông Võ Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	2.910.245.874	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	Tạm ứng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Chi phí trả hộ	4.910.245.874	16.657.874.622
			<b>4.910.245.874</b>	<b>18.657.874.622</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Việt Thăng	Đồng sở hữu	Mua nguyên liệu và hàng hóa	417.984.959.600	405.804.320.688
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương - Tây Nam	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	31.536.020.988	56.058.778.988
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	22.201.134.063	19.839.347
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương - Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	2.329.189.500	10.694.319.500
			<b>474.051.304.151</b>	<b>472.577.258.523</b>
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Giám đốc như sau:				
	Năm nay			2.098.152.837
	Lương và các chi phí liên quan		1.898.674.615	

Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Chưa kiểm toán)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016)

### 32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

- Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.
- Hoạt động chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

### 33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

- Công ty hiện đang thuê nhà kho và ao cá theo các hợp đồng thuê hoạt động tại tỉnh An Giang, Việt Nam và văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	14.054.737.880	11.156.960.102
Từ 1 - 5 năm	30.921.953.947	28.470.842.836
Trên 5 năm	54.524.602.349	52.705.876.406
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>99.501.294.176</b>	<b>92.333.679.344</b>


### 34. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


- Công ty hiện đang thuê nhà kho và ao cá theo các hợp đồng thuê hoạt động tại tỉnh An Giang, Việt Nam và văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ</b>		
Đô la Mỹ (USD)	591.818	1.101.573
Euro (EUR)	1.802	1.802
Đô la Úc (AUD)	1.477	-

### 35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

- Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

  
Huỳnh Xuân Vinh  
Người lập

  
Võ Thành Thông  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Kỳ  
Tổng Giám Đốc

Ngày 23 tháng 12 năm 2016